

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM
HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 23 tháng 4 năm 2008
(ngày thành lập) ngày 31 tháng 12 năm 2008**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 16



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 23/04/2008 (ngày thành lập) đến ngày 31/12/2008.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này, bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Xuân Thìn	Chủ tịch
Ông Trần Văn Hồi	Ủy viên
Ông Đào Mạnh Kháng	Ủy viên
Bà Sử Bùi Bảo Ngọc	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Kim Thoa	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Văn Hải	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Tuấn Phan	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Phay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Văn Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2009

Số: 88 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 23/04/2008 (ngày thành lập) đến ngày 31/12/2008. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc ở trang 01, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trong báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 23/04/2008 (ngày thành lập) đến ngày 31/12/2008, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý vấn đề sau đây:

Theo quy định tại Điểm 1.2, mục VI, Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20/12/2007 của Bộ Tài chính và như đã trình bày tại Thuyết minh số 3 "Ghi nhận doanh thu" của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận doanh thu hoạt động nhận tái bảo hiểm dựa trên các bản chứng từ tái bảo hiểm sau khi có xác nhận của cả hai bên (bên nhận và bên nhượng tái), dẫn đến có thể một số khoản doanh thu nhận tái bảo hiểm phát sinh cuối năm trước phải ghi nhận vào năm sau. Việc áp dụng chính sách này có sự khác biệt với nguyên tắc "Cơ sở dồn tích" của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 "Chuẩn mực chung" ban hành kèm theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2002.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 27 tháng 02 năm 2009
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Minh Hùng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0294/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MÃ B 01-DNBH
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		501.736.562.682
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		190.775.685.605
1. Tiền mặt tại quỹ	111		80.093.792
2. Tiền gửi ngân hàng	112		3.695.591.813
3. Các khoản tương đương tiền	114		187.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	205.113.704.437
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		2.097.356.000
2. Đầu tư ngắn hạn khác	128		203.257.605.437
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(241.257.000)
III. Các khoản phải thu	130		105.348.374.735
1. Phải thu của khách hàng	131	5	104.943.129.945
2. Trả trước cho người bán	132		374.810.312
3. Thuế GTGT được khấu trừ	133		14.989.004
4. Các khoản phải thu khác	135		33.500.000
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	5	(18.054.526)
IV. Tài sản lưu động khác	150		498.797.905
1. Tạm ứng	151		458.797.905
2. Các khoản thế chấp, ký cược ngắn hạn	154		40.000.000
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240)	200		161.332.125.888
I. Tài sản cố định	210		2.881.005.441
1. Tài sản cố định hữu hình	211	6	2.041.838.774
- Nguyên giá	212		2.157.157.675
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(115.318.901)
2. Tài sản cố định vô hình	217		839.166.667
- Nguyên giá	218		950.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(110.833.333)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	220		150.000.000.000
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	221	7	150.000.000.000
III. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	240		8.451.120.447
1. Ký quỹ dài hạn	241	8	7.051.107.564
2. Chi phí trả trước dài hạn	242	9	1.400.012.883
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250 = 100 + 200)	250		663.068.688.570

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 16 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 01-DNBH
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330 + 340)	300		160.975.093.345
I. Nợ ngắn hạn	310		155.320.200.737
1. Vay ngắn hạn	311	10	50.000.000.000
2. Phải trả cho người bán	313	11	80.350.127.876
3. Người mua trả tiền trước	314		281.128.678
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315	12	15.368.220.437
5. Phải trả công nhân viên	316		2.717.398.219
6. Các khoản phải trả khác	318	13	6.603.325.527
II. Dự phòng nghiệp vụ	330	14	5.514.010.871
1. Dự phòng phí	331		4.790.565.051
2. Dự phòng bồi thường	333		368.608.000
3. Dự phòng dao động lớn	334		354.837.820
III. Nợ khác	340		140.881.737
1. Chi phí phải trả	341		140.881.737
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		502.093.595.225
I. Nguồn vốn - quỹ	410	15	502.093.595.225
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		477.600.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	419		24.493.595.225
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	430		663.068.688.570

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2008
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	1.102.476.830
2. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	243.180.441.919
3. Hợp đồng nhượng tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm	221.649.064.670



Đỗ Văn Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2009

Phạm Tuấn Thắng
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 16 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 23/04/2008 (ngày thành lập) đến ngày 31/12/2008

MẪU B 02A-DNBH
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ từ 23/04/2008 đến 31/12/2008
1. Thu phí bảo hiểm gốc	01		72.246.703.142
2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		554.608.814
3. Các khoản giảm trừ:	03		65.771.098.817
- Phí nhượng tái bảo hiểm	04		65.761.223.817
- Hoàn phí bảo hiểm gốc	06		9.875.000
4. Tăng dự phòng phí	08	14	4.790.565.051
5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		1.998.650.967
6. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	14		4.238.299.055
7. Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15		217.324.856
8. Các khoản giảm trừ:	17		37.813.176
9. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại	21		179.511.680
10. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường	23	14	368.608.000
11. Số trích dự phòng dao động lớn trong kỳ	24	14	354.837.820
12. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm:	25		1.532.955.407
12.1 Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	26		1.381.843.336
- Chi hoa hồng bảo hiểm gốc	27		1.144.071.251
- Chi giám định tổn thất	28		4.082.853
- Chi khác	33		233.689.232
12.2 Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	34		151.112.071
- Chi hoa hồng	35		151.112.071
13. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	41		2.435.912.907
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	42		1.802.386.148
15. Chi phí bán hàng	43		1.262.735.384
16. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44		16.927.831.994
17. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45		(16.388.181.230)
18. Doanh thu hoạt động tài chính	46	16	50.702.073.267
19. Chi phí hoạt động tài chính	47	17	2.241.126.037
20. Lợi nhuận hoạt động tài chính	51		48.460.947.230
21. Thu nhập hoạt động khác	52		2.562.055
22. Chi phí hoạt động khác	53		86.149
23. Lợi nhuận/(lỗ) hoạt động khác	54		2.475.906
24. Tổng lợi nhuận kế toán	55		32.075.241.906
25. Điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận chịu thuế	56		(395.596.330)
<i>Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ</i>			<i>(395.596.330)</i>
26. Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	59		31.679.645.576
27. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	60	18	7.581.646.681
28. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61		24.493.595.225



Đỗ Văn Hải
Tổng Giám đốc

Phạm Tuấn Thắng
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 16 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 23/04/2008 (ngày thành lập) đến ngày 31/12/2008

MẪU B 03-DNBH
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ từ 23/04/2008 đến 31/12/2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu phí và hoa hồng	01	179.082.683
2. Tiền thu từ các khoản nợ phí và hoa hồng	02	7.314.744.815
3. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	04	77.438.338.494
4. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(197.681.865)
5. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh BH	06	(393.213.576)
6. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(11.144.125.446)
7. Trả tiền cho cán bộ công nhân viên	08	(3.922.203.825)
8. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ nhà nước	09	(1.583.769.272)
9. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	10	(11.722.245.153)
10. Tiền ứng trước cho người bán và tạm ứng cho CBCNV	11	(69.175.956.927)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20	(13.207.030.072)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền mua tài sản cố định	25	(318.558.035)
2. Tiền chi để cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	26	(153.117.630.843)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	27	998.300.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	28	138.800.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(152.299.088.878)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu do đi vay	31	50.000.000.000
2. Tiền thu do các chủ sở hữu góp vốn	32	477.600.000.000
3. Tiền thu từ lãi tiền gửi	33	29.707.625.542
4. Gửi tại các tổ chức tín dụng	37	(1.790.028.210.874)
5. Nhận lại tiền gửi từ các tổ chức tín dụng	38	1.589.002.389.887
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	356.281.804.555
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	190.775.685.605
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	190.775.685.605



Đỗ Văn Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2009

Phạm Tuấn Thăng
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DNBH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép số 49GP/KDBH ngày 23/04/2008 do Bộ Tài chính cấp với thời gian hoạt động vô thời hạn. Vốn điều lệ của Công ty là 500 tỷ đồng.

Tại ngày 31/12/2008, số vốn thực góp của các cổ đông của Công ty là 477,6 tỷ đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 109 người.

Công ty có Văn phòng chính tại Tầng 16, Tòa nhà Viet Tower, 198B Tây Sơn - 01A Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội và 5 chi nhánh tại Hà Nội, Hải Phòng, Nghệ An, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Các chi nhánh của Công ty thực hiện hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở cộng hợp các báo cáo tài chính của các Chi nhánh và báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty sau khi bù trừ công nợ nội bộ.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 23/4/2008 (ngày thành lập) đến ngày 31/12/2008.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DNBH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị văn phòng	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế, thể hiện giá trị phần mềm kế toán đang được Công ty sử dụng và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đang được sử dụng tại Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư

- Đầu tư tiền gửi ngân hàng ngắn hạn và trái phiếu chính phủ: Các khoản đầu tư tiền gửi ngân hàng ngắn hạn và trái phiếu chính phủ được ghi nhận theo phương pháp giá gốc gồm giá mua cộng chi phí liên quan như: phí mua bán, phí liên lạc, thuế và phí ngân hàng.

- Các khoản đầu tư chứng khoán: Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản chứng khoán đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Trong số dư các khoản đầu tư chứng khoán có một số cổ phiếu tại ngày 31/12/2008 đã bị giảm giá so với giá mua ước tính khoảng 241 triệu đồng đã được Công ty trích lập dự phòng giảm giá đầy đủ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DNBH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm, được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá hạch toán (tỷ giá hạch toán áp dụng trong năm 2008 của các đồng tiền USD, EUR, GBP, JPY, CHF, CNY và MYR lần lượt là 16.114, 23.143, 32.133, 142, 13.948, 2.187 và 4.810). Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm giữa tỷ giá cố định nêu trên với tỷ giá thực tế được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở đơn bảo hiểm đã phát sinh trách nhiệm (đơn đã đến thời hạn hiệu lực và Công ty đã thu được phí hoặc cho nợ phí).

Doanh thu và chi phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở bản xác nhận thanh toán giữa Công ty với các nhà nhượng tái bảo hiểm. Công ty ghi nhận doanh thu hoạt động nhận tái bảo hiểm dựa trên các bản chứng từ tái bảo hiểm sau khi có xác nhận của cả hai bên (bên nhận và bên nhượng tái), dẫn đến có thể một số khoản doanh thu nhận tái bảo hiểm phát sinh cuối năm trước phải ghi nhận vào năm sau. Việc áp dụng chính sách này có sự khác biệt với nguyên tắc "Cơ sở dồn tích" của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 "Chuẩn mực chung" ban hành kèm theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2002. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng việc thực hiện ghi nhận doanh thu nhận tái này là phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh bảo hiểm hiện nay và đảm bảo tính thận trọng trong kế toán.

Doanh thu và chi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi Công ty phát hành đơn bảo hiểm gốc và các đơn này có phát sinh nghĩa vụ nhượng tái bảo hiểm theo quy định của hợp đồng tái bảo hiểm.

Lãi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Thuế

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và điều chỉnh cho một số khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp thuận là chi phí hợp lý, hợp lệ để tính thuế, và các khoản lợi nhuận không chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất là 28% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định Thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi tùy theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về Thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DNBH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Dự phòng nghiệp vụ

Ngày 04 tháng 09 năm 2008, Công ty đã gửi Công văn số 82/TCĐT-BHKK tới Bộ Tài chính về việc Đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của Công ty. Theo đó, việc trích lập các quỹ dự phòng nghiệp vụ của Công ty trong năm 2008 được thực hiện như sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng: Được trích lập theo số ngày chưa được hưởng phí của từng đơn bảo hiểm cụ thể tại ngày cuối kỳ báo cáo.

Dự phòng bồi thường: Được Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh và phân trách nhiệm giữ lại của Công ty.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR): Theo Thông tư 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính, công ty bảo hiểm phải trích lập dự phòng IBNR theo số liệu thống kê trong quá khứ. Do công ty mới đi vào hoạt động, chưa có số liệu thống kê trong quá khứ, do đó đã thực hiện trích lập dự phòng IBNR năm 2008 dựa trên số tổn thất đã phát sinh trong năm 2008 được khách hàng thông báo trong đầu năm 2009. Công ty tin tưởng rằng việc trích lập IBNR như trên là phù hợp với đặc điểm và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Dự phòng dao động lớn: Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 5% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng Bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 03 năm 2007 và Thông tư số 156/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 12 năm 2007, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DNBH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2008
	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)	2.097.356.000
Tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng và TCTD (**)	390.257.605.437
- Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội	50.000.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thanh Xuân	15.000.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Thành	188.257.605.437
- Ngân hàng Dầu khí Toàn cầu	30.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đại Dương	10.000.000.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương - Chi nhánh Hai Bà Trưng	10.000.000.000
- Ngân hàng VID Public - Chi nhánh Hà Nội	10.000.000.000
- Ngân hàng Công thương - Chi nhánh Chương Dương	50.000.000.000
- Ngân hàng Công thương - Chi nhánh Nam Thăng Long	22.000.000.000
Phân loại lại sang tương đương tiền	(187.000.000.000)
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(241.257.000)
	205.113.704.437

(*) Đầu tư chứng khoán ngắn hạn là khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, được giao dịch qua Công ty Chứng khoán An Bình.

(**) Tiền gửi ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng có kỳ hạn dưới 12 tháng hưởng lãi suất tiền gửi từ 11%/năm đến 17,9%/năm.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2008
	VND
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc:	85.585.992.292
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	81.929.607.679
- Công ty xăng dầu Hàng không Việt Nam	1.083.132.600
- Các khách hàng khác	2.573.252.013
Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	310.536.902
Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	32.430.256
Phải thu hoạt động tài chính	19.014.170.495
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Thành	9.635.365.892
- Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội	2.170.000.000
- Ngân hàng Công thương - Chi nhánh Chương Dương	2.017.361.111
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam	1.915.068.493
- Các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác	3.276.374.999
Phải thu ngắn hạn theo giá trị ghi sổ	104.943.129.945
Dự phòng phải thu khó đòi	(18.054.526)
	104.925.075.419

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DNBH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 23/04/2008	-	-	-
Tăng trong kỳ	1.288.283.495	868.874.180	2.157.157.675
Tại ngày 31/12/2008	<u>1.288.283.495</u>	<u>868.874.180</u>	<u>2.157.157.675</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 23/04/2008	-	-	-
Tăng trong kỳ	94.420.917	20.897.984	115.318.901
Tại ngày 31/12/2008	<u>94.420.917</u>	<u>20.897.984</u>	<u>115.318.901</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 23/04/2008	-	-	-
Tại ngày 31/12/2008	<u>1.193.862.578</u>	<u>847.976.196</u>	<u>2.041.838.774</u>

7. ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN DÀI HẠN

Đơn vị: VND

Loại chứng khoán	Kỳ hạn	Ngày mua	Ngày đáo hạn	Số tiền	Lãi suất
Trái phiếu chính phủ	3 năm	04/11/2008	04/11/2011	10.000.000.000	15,00%
Trái phiếu chính phủ	5 năm	04/11/2008	04/11/2013	40.000.000.000	15,00%
Trái phiếu chính phủ	3 năm	22/12/2008	22/12/2011	50.000.000.000	9,00%
Trái phiếu chính phủ	5 năm	19/11/2008	19/11/2013	50.000.000.000	11,00%
				<u>150.000.000.000</u>	

Công ty có kế hoạch mua số trái phiếu chính phủ nêu trên để giữ đến khi đáo hạn.

8. KÝ QUỸ DÀI HẠN

Ký quỹ dài hạn bao gồm khoản ký quỹ bảo hiểm (6 tỷ đồng, tương đương 2% vốn pháp định) theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 03 năm 2008 của Chính phủ và các khoản đặt cọc dài hạn thuê văn phòng.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Kỳ từ 23/04/2008 đến 31/12/2008 <u>VND</u>
Tại ngày 23/04/2008	-
Tăng trong kỳ	2.934.458.629
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	1.534.445.746
Tại ngày 31/12/2008	<u>1.400.012.883</u>

10. VAY NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn là khoản vay 50 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP An Bình theo Hợp đồng tín dụng số 5208/HĐTD ngày 23/12/2008, có hiệu lực đến ngày 02/01/2009, với lãi suất 11%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DNBH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Nguồn vốn kinh doanh VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 23/04/2008	-	-	-
Góp vốn điều lệ	477.600.000.000	-	477.600.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	24.493.595.225	24.493.595.225
Tại ngày 31/12/2008	477.600.000.000	24.493.595.225	502.093.595.225

Đến thời điểm 31/12/2008, tổng số vốn thực góp của các cổ đông là 477.600.000.000 VND chi tiết như sau:

	Theo Giấy phép Đầu tư		Vốn thực góp	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Hàng không Việt Nam	100.000.000.000	20,00	100.000.000.000	20,94
Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản VN	50.000.000.000	10,00	50.000.000.000	10,47
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	50.000.000.000	10,00	50.000.000.000	10,47
Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	50.000.000.000	10,00	50.000.000.000	10,47
Công ty Cổ phần Nam Việt	40.000.000.000	8,00	40.000.000.000	8,38
Cổ đông khác	210.000.000.000	42,00	187.600.000.000	39,28
Cộng	500.000.000.000	100,00	477.600.000.000	100,00

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ từ 23/04/2008 đến 31/12/2008 VND
Thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	46.657.683.185
Thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	149.599.859
Thu lãi trái phiếu, tín phiếu	1.915.068.493
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.100.000
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	122.700.000
Lãi tỷ giá hối đoái	1.840.921.730
	50.702.073.267

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ từ 23/04/2008 đến 31/12/2008 VND
Lãi tiền vay	122.222.222
Chi phí kinh doanh chứng khoán	21.974.843
Lỗ tỷ giá hối đoái	1.855.671.972
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	241.257.000
	2.241.126.037

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DNBH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2008
	VND
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	2.121.376.157
Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	76.044.963.284
- Willis (London) Ltd.	69.617.154.552
- Tổng Công ty Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE)	3.943.065.648
- Willis (Singapore) Pte., Ltd.	1.224.096.748
- Các công ty nhận tái bảo hiểm khác	1.260.646.336
Phải trả khác cho người bán	2.183.788.435
	80.350.127.876

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Số phải nộp đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ từ ngày 23/04/2008 đến 31/12/2008		Số còn phải nộp cuối kỳ
		Số phải nộp	Số đã nộp	
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	6.353.973.876	-	6.353.973.876
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10.092.598.928	1.288.727.969	8.803.870.959
- Thuế TNDN trên lãi tiền gửi của cổ đông góp vốn trước thành lập	-	2.510.952.247	-	2.510.952.247
- Thuế TNDN của Công ty	-	7.581.646.681	1.288.727.969	6.292.918.712
3. Thuế thu nhập đại lý	-	66.889.441	1.853.784	65.035.657
4. Thuế thu nhập cá nhân	-	262.538.486	118.198.541	144.339.945
5. Thuế môn bài	-	5.500.000	4.500.000	1.000.000
Cộng	-	16.781.500.731	1.413.280.294	15.368.220.437

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2008
	VND
Lãi tiền gửi từ vốn góp của cổ đông trước khi thành lập	8.967.686.596
Giảm trừ thuế TNDN trên lãi tiền gửi từ vốn góp trước khi thành lập (thuế suất 28%)	(2.510.952.247)
Phải trả khác	146.591.178
	6.603.325.527

14. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	23/04/2008	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2008
	VND	VND	VND	VND
Dự phòng phí (*)	-	4.790.565.051	-	4.790.565.051
Dự phòng bồi thường	-	368.608.000	-	368.608.000
Dự phòng dao động lớn (**)	-	354.837.820	-	354.837.820
	-	5.514.010.871	-	5.514.010.871

(*) Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo số ngày chưa được hưởng phí của từng đơn bảo hiểm cụ thể tại ngày 31/12/2008.

(**) Dự phòng dao động lớn được trích lập bằng 5% phí giữ lại trong năm 2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ từ 23/04/2008
	đến 31/12/2008
Lợi nhuận trước thuế trong kỳ	32.075.241.906
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ (a)	(395.596.330)
Lợi nhuận tính thuế	31.679.645.576
Thuế suất thuế TNDN	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ	8.870.300.761
Giảm thuế theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính (b)	(1.288.654.080)
Tổng thuế thu nhập phát sinh trong kỳ	7.581.646.681

(a) Chi phí không được khấu trừ là khoản chi phí hoạt động tài chính do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ.

(b) Giảm thuế TNDN theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 được tính bằng bằng 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của quý IV năm 2008 của Công ty.

19. BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

	Kỳ từ 23/04/2008
	đến 31/12/2008
I. Biên khả năng thanh toán (I=(1)-(2)-(3)-(4))	444.047.517.902
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	502.093.595.225
2. Trừ các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán	-
3. Trừ các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	1.858.810.788
4. Trừ các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán	56.187.266.535
II. Biên khả năng thanh toán tối thiểu [Giá trị lớn hơn giữa (a) và (b)]	9.100.163.995
(a) 25% Tổng phí bảo hiểm giữ lại	1.757.553.285
(b) 12,5% Tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm	9.100.163.995
III. So sánh (I) và (II)	
Theo số tuyệt đối	434.947.353.907
Theo tỷ lệ phần trăm	4879,56%

20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Kỳ từ 23/04/2008
	đến 31/12/2008
Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	2.341.421.852

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang (thuê văn phòng làm việc) với lịch thanh toán như sau:

	Kỳ từ 23/04/2008
	đến 31/12/2008
	VND
Trong vòng một năm	4.412.459.561
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	8.622.207.319
	13.034.666.880

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU B 09-DNBH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan như sau:

	Kỳ từ 23/04/2008
	đến 31/12/2008
	VND
<i>Doanh thu phí bảo hiểm gốc</i>	
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (*)	46.627.045.467
<i>Thu nhập của Ban Giám đốc</i>	
Lương, thưởng	415.414.730
Số dư với các bên liên quan:	
	Kỳ từ 23/04/2008
	đến 31/12/2008
	VND
Phải thu Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (*)	81.929.607.679

(*) Theo các hợp đồng bảo hiểm đã ký với Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, Công ty là nhà bảo hiểm đứng đầu do đó doanh thu ghi nhận là phần doanh thu tương ứng với trách nhiệm của Công ty, trong khi đó số dư phải thu phản ánh toàn bộ số tiền còn phải thu Tổng Công ty Hàng không Việt Nam tại ngày 31/12/2008, bao gồm cả số phí phải thu hộ các nhà bảo hiểm khác cùng tham gia hợp đồng bảo hiểm.

22. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Vào ngày 05/02/2009, Willis London Ltd. đã xác nhận đồng ý thanh toán số thuế nhà thầu phải nộp tính trên phí bảo hiểm tái ra nước ngoài của Công ty. Do vậy, số thuế nhà thầu phải nộp còn lại chỉ khoảng 38 triệu đồng đã được Công ty ghi nhận đầy đủ và sẽ nộp Nhà nước vào đầu năm 2009 (khi Công ty chuyển phí nhượng tái ra nước ngoài).

23. ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kỳ từ 23/04/2008
	tính	đến 31/12/2008
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản		
- Tài sản cố định và đầu tư dài hạn/Tổng tài sản	%	24,33
- Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn/Tổng tài sản	%	75,67
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	24,28
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	75,72
2. Khả năng thanh toán		
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	4,12
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	3,23
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	2,55
3. Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu các loại hình KD	%	58,38
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu các loại hình KD	%	44,58
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản	%	4,84
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	3,69
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu	%	4,88